

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19000348	Đặng Hoàng	Anh	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
2	19000315	Nguyễn Gia	Bảo	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
3	19000338	Lê Đăng Nhất	Đăng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
4	19003863	Lê Trần Trí	Đăng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
5	19000295	Nguyễn Hoàng	Gia	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
6	19000261	Nguyễn Phạm Phúc	Hiếu	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
7	19000236	Chang Khánh	Hòa	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
8	19000229	Phạm Bá	Hồng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
9	19000397	Hà Văn	Hưng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
10	19000279	Lương Hoàng	Lộc	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
11	19000303	Nguyễn Duy	Long	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
12	19000281	Ngô Đức	Nam	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
13	19000391	Nguyễn Giang	Nam	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
14	19001553	Nguyễn Trọng	Nhân	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
15	19000220	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
16	19000367	Trần Đình	Phong	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
17	19000258	Lâm Trọng	Phú	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
18	19000374	Đỗ Vinh	Quang	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
19	19001364	Dương Văn	Quảng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
20	19000378	Trần Trường	Quy	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
21	19000217	Lê Minh	Quý	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
22	19000096	Trương Hữu	Thiên	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
23	19000275	Nguyễn Trung	Thiện	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
24	19000302	Kiều Mạnh	Thịnh	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
25	19000230	Phan Nguyên	Thịnh	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
26	19000292	Vòng Hỷ Phú	Thuận	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
27	19000382	Nguyễn Anh	Tiến	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
28	19000346	Nguyễn Đức	Trọng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
29	19000276	Nguyễn Võ Tấn	Trọng	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
30	19000343	Lênh Tú	Vĩ	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
31	19000289	Nguyễn Phi	Vũ	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	
32	19000380	Võ Thành	Vỹ	19T4-CNÔ2	5,166,000	140,000	5,306,000	